

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2018/DS-ST
Ngày 25 - 10 -2018
V/v tranh chấp đòi lại
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Mỏl – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Cao Văn T, sinh năm: 1951
2. Bà Hồ Thị L, sinh năm: 1962

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: bà Hồ Thị L, sinh năm: 1962

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Cao Văn C, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Cao Thị H, sinh năm: 1967
2. Ông Cao Văn Đ1, sinh năm: 1978

3. Ông Cao Văn Đ2, sinh năm: 1975

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Cao Văn D, sinh năm: 1980

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh Đ1, anh Đ2, anh D: anh Cao Văn C, sinh năm: 1970

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, bà L, anh C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/06/2017 và bản tự khai cùng ngày nguyên đơn ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc do tập đoàn số 3, ấp K, xã P cấp cho ông bà diện tích 1.300m² vào năm 1982. Năm 1984 ông Cao Văn B (sau đây gọi tắt là ông B) là anh ruột của ông Cao Văn T (sau đây gọi tắt là ông T) chết do nước lũ không có chôn nên anh Cao Văn C (sau đây gọi tắt là anh C) có hỏi xin cho chôn cất trên đất của ông bà. Đến năm 1991 thì bà Châu Thị V (sau đây gọi tắt là bà V) chết, cũng mùa nước lũ nên anh C cũng hỏi xin chôn tạm gần mộ của ông B.

Do hiện nay căn nhà gia đình ông bà nằm cấp lộ 843, nên ông bà muốn di dời nhà lùi về phía sau vì nằm trong phạm vi lộ giới nhưng do mộ của cha mẹ anh C nằm ở phía sau nhà nên không thể di dời lùi lại được. Vợ chồng ông bà có yêu cầu anh C di dời nhưng anh C không đồng ý. Tại buổi hòa giải ở xã anh C yêu cầu ông bà phải hỗ trợ số tiền di dời là 12.000.000đ, ông bà không đồng ý.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C di dời 02 ngôi mộ của cha mẹ anh C trả cho ông bà phần đất diện tích 9,86m², chiều ngang 3,4m, chiều dài là 2,9m thuộc một phần thửa 60, tờ bản đồ số 02, do ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất), đất tọa lạc tại ấp K, xã P, huyện T. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- Tại tờ tường trình ngày 09/12/2017 và ngày 24/04/2018 bị đơn anh Cao Văn C và là người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh Đ1, anh Đ2, anh D trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc do ông bà nội anh C để lại. Năm 1984 cha anh là ông B chết, bà nội anh là bà T kêu đem về chôn trên đất của ông bà nội. Đến năm 1991 mẹ anh là bà V chết thì ông Cao Văn T kêu đem về chôn gần mộ cha anh, đây không phải là đất của ông T và bà L.

Nay ông T, bà L yêu cầu anh di dời 02 ngôi mộ của ông B và bà V trả lại đất cho ông bà, anh đồng ý di dời nhưng ông T, bà L phải hỗ trợ di dời với số tiền 16.000.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay anh C chỉ yêu cầu ông Cao Văn T, bà L hỗ trợ di dời số tiền 14.000.000đ mà thôi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, kháng định đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét và không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà L tranh chấp QSD đất với anh C có địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 9, Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông T, bà L khởi kiện yêu cầu anh C di dời 02 ngôi mộ của cha mẹ anh C trả lại QSD đất cho ông T, bà L. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản theo Điều 166 Luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Ông T, bà L yêu cầu anh C trả lại QSD đất cho ông bà, đất thuộc một phần thửa số 60, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.300m² do ông T đứng tên giấy CNQSD đất.

Bị đơn anh C đồng ý di dời nhưng ông T, bà L phải hỗ trợ di dời cho anh C số tiền 14.000.000đ. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

[4] Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay xét thấy: Đất tranh chấp có nguồn gốc Nhà nước cấp cho hộ ông T vào năm 1982, khi đó ông T đang sống cùng cha mẹ ông. Năm 1984 ông B chết chôn trên đất tranh chấp, đến năm 1991 bà V chết được chôn gần ngôi mộ của ông B. Năm 1995 ông bà mới được Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSD đất và ông bà quản lý sử dụng từ đó đến nay. Nay gia đình ông T có nhu cầu sử dụng diện tích đất tranh chấp nên yêu cầu anh C di dời và ông T, bà L hỗ trợ một phần chi phí di dời là hợp lý.

Tại các buổi hòa giải và phiên tòa hôm nay anh C cho rằng đất do ông bà nội để lại, ông bà nội kêu đem cha mẹ về chôn nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, anh C tự nguyện di dời nhưng ông T, bà L phải hỗ trợ di dời cho anh C với số tiền 14.000.000đ. Tại phiên tòa ông T, bà L đồng ý hỗ trợ di dời cho anh C với số tiền là 7.000.000đ. Xét thấy có lợi cho bị đơn. Mặt khác chi phí di dời số tiền 14.000.000đ là do anh C tự liệt kê nên điều chỉnh lại là phù hợp. Do đó chấp nhận một phần yêu cầu của anh C đối với ông T, bà L về việc hỗ trợ chi phí di dời số tiền 7.000.000đ là có căn cứ.

[5] Quá trình sử dụng đất: Diện tích đất tranh chấp có 02 ngôi mộ của bà V và ông B được chôn cất từ năm 1984 và năm 1991 hiện trạng mộ đất, năm 2002 anh C xây lại mộ đá đến nay.

[6] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký phiên tòa và của những người tham gia tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ghi nhận sự tự nguyện của anh C di dời 02 ngôi mộ của ông B, bà V. Chấp nhận một phần yêu cầu hỗ trợ di dời của anh C đối với ông T, bà L. Ông T, bà L hỗ trợ tiền di dời là 7.000.000đ cho anh C. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[7] Về giá đất: Phần đất tranh chấp trong vụ án qua đo đạc thực tế có tổng diện tích là 10m² thuộc một phần thửa 60, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng: đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì các đương sự thống nhất giá đất là: 400.000/1m² (Bốn trăm nghìn đồng), căn cứ vào thỏa thuận giá nêu trên khi giải quyết vụ án.

[8] Về chi phí đo đạc số tiền là 1.271.000đ (Một triệu hai trăm bảy mươi một nghìn đồng) ông T đã nộp xong, do chấp nhận một phần yêu cầu của anh C, mỗi bên chịu ½ số tiền đo đạc. Ông T, bà L đã nộp xong, anh C có trách nhiệm trả lại cho ông T, bà L số tiền 635.500đ.

[9] Về án phí: căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009, Điều 48 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Cao Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), bà Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh C và những người liên quan phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9, Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015;

- Các Điều 26, Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

- Điều 48 Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L đối với anh Cao Văn C, chị Cao Thị H, anh Cao Văn Đ1, anh Cao Văn Đ2, anh Cao Văn D.

2/- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Cao Văn C đối với ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L về việc hỗ trợ chi phí di dời 02 ngôi mộ của ông Cao Văn B, bà Châu Thị V.

3/- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Cao Văn C, chị Cao Thị H, anh Cao Văn Đ1, anh Cao Văn Đ2, anh Cao Văn D về việc di dời 02 ngôi mộ của ông Cao Văn B, bà Châu Thị V có hiện trạng bằng bê tông, cốt thép, phần bó nền liền nhau để trả lại cho ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L phần đất có diện tích 10m² thuộc một phần thửa 60, tờ bản đồ số 02, do ông Cao Văn T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

* Vị trí cụ thể như sau:

- Hướng Đông: Giáp đất còn lại của ông T đo từ mốc số 10 đến mốc số 11, có chiều dài là 1,71 m, đo từ mốc số 11 đến mốc số 12 có chiều dài 1,71 m. Tổng chiều dài là 3,42m.

- Hướng Bắc: Giáp đất còn lại của ông T đo từ mốc số 10 đến mốc số 15 có chiều dài 2,82 m.

- Hướng Nam: Giáp đất còn lại của ông T đo từ mốc số 12 đến mốc số 13 có chiều dài 2,82 m,

- Hướng Tây: Giáp đất còn lại của ông T đo từ mốc số 15 đến mốc số 14 có chiều dài 1,71 m, đo từ mốc số 14 đến mốc số 13 có chiều dài 1,71 m. Tổng chiều dài là 3,42m.

Diện tích qua đo đạc thực tế là 10 m².

(Có sơ đồ và biên bản đo đạc ngày 24/11/2017 kèm theo).

4/- Buộc Ông Cao Văn T và bà Hồ Thị L có trách nhiệm giao cho anh Cao Văn C, chị Cao Thị H, anh Cao Văn Đ1, anh Cao Văn Đ2, anh Cao Văn D chi phí di dời số tiền là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

5/- Buộc anh Cao Văn C, chị Cao Thị H, anh Cao Văn Đ2, anh Cao Văn Đ1, anh Cao Văn Dn có trách nhiệm liên đới trả cho ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L chi phí đo đạc số tiền là 635.500đ (Sáu trăm ba mươi năm nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

6/- Về án phí:

- Ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), ông Cao Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên), bà Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 175.000đ (Một trăm bảy mươi năm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số:

17182 ngày 23/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Ông Cao Văn T, bà Hồ Thị L được nhận lại số tiền còn lại là 125.000đ (Một trăm hai mươi năm nghìn đồng).

- Anh Cao Văn C, chị Cao Thị H, anh Cao Văn Đ1, anh Cao Văn Đ2, anh Cao Văn D liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

